

Ung thư học. Số 2 năm 2012.

**4. Viện Sức khỏe tâm thần Quốc gia (2017).**

Thang đánh giá Lo âu - Trầm cảm - Stress (DASS-21). [cited 2017 25/11]; Available from: <http://nimh.gov.vn/trac-nghiem-tam-ly/28-cac-trc-nghim/151-thang-anh-gia-lo-au-trm-cm-stress-dass-21.html>

**5. Bùi Vũ Bình và CS (2015).** Khảo sát chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư và một số yếu tố ảnh hưởng tại BV ĐHY Hà Nội năm 2015. Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Y Hà Nội 2015.

**6. Trần Thị Ngọc (2018)** Chất lượng cuộc sống và một số yếu tố ảnh hưởng của bệnh nhân ung thư dạ dày sau phẫu thuật tại bệnh viện Việt Đức năm 2018. Luận văn thạc sỹ quản lý bệnh viện. Trường ĐHY tế công cộng. Hà Nội.

**7. Vũ Văn Vũ, Võ Thị Xuân Hạnh, Phạm Thị Giang và CS (2010).** Khảo sát tình trạng đau và

chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư giai đoạn tiến xa tại bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh. Tập 14, số 14.

**8. Nguyễn Thành Lam, Hà Mạnh Phương, Vi Trần Danh, Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Bích Huyền (2019).** Tình trạng đau và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư điều trị tại Trung tâm Ung Bướu Thái Nguyên từ 1-6 năm 2019. Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

**9. Nguyễn Quỳnh Tú (2022),** Đánh giá chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân ung thư tại khoa ung bướu tổng hợp, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2018. Tạp chí Y Dược lâm sàng. Tập 17 số đặc biệt 8/2022 (Hội nghị khoa học Điều dưỡng Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2022).

## NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG NĂM CUỐI TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC ASEAN VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP LÂM SÀNG

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** nhằm đánh giá nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng năm cuối đang học tại trường Cao đẳng Y Dược Asean. Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả qua cuộc điều tra ngang trên 180 sinh viên điều dưỡng năm cuối của trường Cao đẳng Y Dược Asean năm 2021. Công cụ đánh giá môi trường học tập lâm sàng của Chan D năm 2002 được dùng khá phổ biến trong giáo dục điều dưỡng trên thế giới và được Đỗ Thị Như Ý dịch năm 2013 và đã được sử dụng nhiều tại Việt Nam.

**Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên nữ là 78,9% và nam 21,1%. Tuổi trung bình là  $20,3 \pm 1,0$  (dao động từ 19 đến 25 tuổi). Số sinh viên thực tập tại Bệnh viện 198 là 170 em chiếm 94,4%. Điểm nhận thức trung bình chung của 5 nhóm lĩnh vực đánh giá về môi trường học tập lâm sàng là  $121,25 \pm 9,34$

1. Trường Cao đẳng Y Dược ASEAN

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

\* Chịu trách nhiệm chính: Trần Minh Hậu

Email: [hauytb@gmail.com](mailto:hauytb@gmail.com)

Ngày nhận bài: 05/8/2022

Ngày phản biện: 6/10/2022

Ngày duyệt bài: 9/10/2022

Đỗ Thị Vui<sup>1</sup>, Trần Minh Hậu<sup>2\*</sup>, Lã Kim Chi<sup>2</sup>

điểm, không thấy sự khác biệt giữa nam và nữ với  $p > 0,05$ . Hai nhóm có điểm cao nhất là: nhận thức về vai trò của giảng viên lâm sàng và môi trường sư phạm lâm sàng. Điểm trung bình nhận thức của sinh viên về môi trường sư phạm lâm sàng có giá trị từ 3,08 đến 3,99 điểm. Về nền tảng chăm sóc điều dưỡng tại khoa (3,26 - 4,03 điểm). Về phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa (3,23 - 4,14 điểm). Về vai trò của giảng viên trong giảng dạy và giúp đỡ sinh viên (3,34 - 3,98 điểm). Sự giúp đỡ và nhận xét sau khi sinh viên thực hành kỹ thuật của người hướng dẫn đều đạt trên 4 điểm.

**Từ khóa:** Môi trường học tập lâm sàng, sinh viên điều dưỡng

### ABSTRACT

#### THE COGNITION OF ASEAN MEDICINE AND PHARMACY COLLEGE OF THE FINAL YEAR NURSING STUDENTS IN A CLINICAL LEARNING ENVIRONMENT

**Subjects:** 180 final year nursing student of Asean Medicine and Pharmacy College in 2021.

**Objectives:** To assess the cognition of the clinical learning environment among final year nursing students.

**Method:** describe through a cross sectional survey. Toolkit: Chan D's 2002 clinical environment assessment toolkit which is widely used in nursing education around the world being translated by Do Thi Nhu Y in 2013. This toolkit is being used widely in Vietnam.

**Results:** The proportion of females is 78,9% and that of males is 21,1%. The mean age was 20,3 ± 1,0 (from 19 to 25 years old), the majority of interns work at Hospital 198 (94,4%). The average overall cognition score of 5 groups of assessment criteria on clinical learning environment was 121,25±9,34 points, of which the highest was the role of the clinical lecturer was 32,37±3,53 points and the clinical pedagogical environment was 31,04±2,79 points. The average score of students' perception of the clinical pedagogical environment ranges from 3,08 to 3,99 points. Besides that, the nursing care activities at the department was high, with values from 3,26 to 4,03 points. Regarding the leadership style of faculty managers, this criterion is scored from 3,23 to 4,14 points. Moreover, the value of lecturers' role in teaching and helping students was from 3,34 to 3,98 points. Finally, the help that students in need and comments after technique practicing of the instructor are both scored above 4 points.

**Keywords:** *Clinical learning environment; Nursing students*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại nhiều trường cao đẳng điều dưỡng, trước kia sinh viên thường phải đối mặt với thử thách khi đi lâm sàng bệnh viện, nhiều sinh viên quá thận trọng, không chắc chắn, căng thẳng, lo lắng, không tự tin, khi xử trí, chăm sóc người bệnh trên lâm sàng, điều này có ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý và kết quả học tập của sinh viên. Vì vậy, các phương pháp dạy/học truyền thống thường không đáp ứng được yêu cầu của sinh viên. Các khoa điều dưỡng trong các trường cao đẳng luôn tìm kiếm các phương pháp giảng dạy/học hiệu quả hơn làm tăng chất lượng học và cải thiện sự phát triển, sự tự tin của sinh viên [1].

Tại Việt Nam, một số trường y dược trong đó có trường cao đẳng Y Dược ASEAN đã thành lập trung tâm tiền lâm sàng để áp dụng phương pháp dạy/học lâm sàng giúp cho giảng viên và sinh viên cùng nhau trao đổi, nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập, của sinh viên, góp phần làm thay đổi phần lớn cách học

thụ động trước đây [2]. Để góp phần nâng cao chất lượng dạy/học tại trường, chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm mục tiêu: Đánh giá nhận thức của sinh viên năm cuối về môi trường học tập lâm sàng tại trường Cao đẳng Y Dược ASEAN năm 2021. Môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Cao đẳng Y Dược ASEAN bao gồm: các phòng thực hành tiền lâm sàng của nhà trường, Bệnh viện Bộ Công an 198 (Bệnh viện 198) và Trung tâm y tế Văn Giang tỉnh Hưng Yên.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên điều dưỡng năm cuối hệ chính quy, trường Cao đẳng Y Dược ASEAN. Thời gian nghiên cứu từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2021.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu theo phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

**Cỡ mẫu:** được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ. Theo công thức thì cỡ mẫu cho nghiên cứu tính được là 180, thực tế chúng tôi chọn vừa đủ 180 đối tượng.

**Phương pháp chọn mẫu toàn bộ:** toàn bộ sinh viên điều dưỡng chính quy năm cuối khóa 8 thực hành lâm sàng tại bệnh viện thời gian 2 tháng. Sau khi kết thúc thời gian thực hành, tất cả sinh viên đều được chọn vào nghiên cứu.

**Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn sinh viên bằng bộ phiếu được thiết kế sẵn dựa vào Bảng kiểm môi trường học tập lâm sàng của Chan D (2002) [3], đây là công cụ đánh giá môi trường học lâm sàng khá phổ biến trong đào tạo điều dưỡng trên thế giới gồm có 5 nhóm lĩnh vực đánh giá chính và được Đỗ Thị Như Ý dịch năm 2013 [4].

**Tiêu chí đánh giá:** Trong nghiên cứu này, tiêu chí đánh giá nhận thức của sinh viên được đo lường thông qua thang đo mức độ hài lòng "Hoàn toàn không hài lòng = 1; Không hài lòng = 2; Không chắc chắn = 3; Hài lòng = 4 và Hoàn toàn hài lòng = 5". Lấy điểm cao nhất trừ điểm thấp nhất rồi chia 3 ta được  $(5-1)/3 = 1,33$  chính là điểm trung bình ta có:

- Điểm trung bình đạt từ 1,00 đến 2,33 điểm: không hài lòng

- Điểm trung bình đạt từ 2,34 đến 3,67 điểm: **Hài lòng**
- Điểm trung bình đạt từ 3,68 đến 5,00 điểm: **Rất hài lòng**

**2.3. Xử lý số liệu**

Làm sạch và nhập số liệu từ phiếu vào máy bằng phần mềm Epi Data 3.1 sau đó chuyển sang phần mềm SPSS 16.0 để phân tích kết quả.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Bảng 1. Thông tin cơ bản về đối tượng nghiên cứu (n=180)**

Đặc điểm	Tuổi		Giới		Đến học từ		Nơi thực tập	
	<=20	>20	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn	Bệnh viện 198	TT Y tế Văn Giang
Số lượng	142	38	38	142	70	110	170	10
Tỷ lệ	78,9	21,1	21,1	78,9	38,9	61,1	94,4	5,6

Trong số 180 sinh viên thì chủ yếu là dưới 20 tuổi có 142 chiếm 78,9% và trên 20 tuổi có 38 chiếm 21,1% (tuổi trung bình là 20,3±1,0). Số sinh viên nam là 38 chiếm 21,1% và nữ là 142 chiếm 78,9%. Nơi sống của sinh viên chủ yếu tại vùng nông thôn đến học tại trường chiếm 61,1%, số thực tập tại bệnh viện 198 là chủ yếu chiếm 94,4%.

**Bảng 2. Điểm nhận thức trung bình về 5 nhóm lĩnh vực đánh giá chung (n=180)**

5 nhóm lĩnh vực đánh giá	Chung	Nam (1)	Nữ (2)	p (1-2)
	X ± SD	X ± SD	X ± SD	
Môi trường sự phạm lâm sàng	31,04 ± 2,79	30,45 ± 2,27	31,20 ± 2,90	>0,05
Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa	15,17 ± 2,26	15,71 ± 2,87	15,02 ± 2,05	>0,05
Phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa	14,52 ± 2,21	14,84 ± 2,58	14,43 ± 2,10	>0,05
Vai trò của giảng viên lâm sàng trong giảng dạy	32,37 ± 3,53	31,82 ± 3,34	32,51 ± 3,57	>0,05
Mối quan hệ với người hướng dẫn lâm sàng	28,16 ± 2,74	27,84 ± 2,97	28,25 ± 2,68	>0,05
Tổng điểm	121,25 ± 9,34	120,66 ± 10,77	121,41 ± 8,96	>0,05

Kết quả điểm nhận thức trung bình chung của sinh viên về 5 lĩnh vực có tổng điểm là 121,25 ± 9,34 điểm. Trong đó về môi trường sự phạm lâm sàng là 31,04 ± 2,79. Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa là 15,17 ± 2,26 điểm. Phong cách lãnh đạo của người quản lý là 14,52 ± 2,21 điểm. Vai trò của giảng viên lâm sàng là 32,37 ± 3,53 điểm. Về mối quan hệ với người hướng dẫn là 28,16 ± 2,74 điểm.

**Bảng 3. Điểm nhận thức trung bình về lĩnh vực thuộc môi trường sự phạm lâm sàng (n=180)**

Nội dung đánh giá	X	SD
Nhân viên dễ dàng tiếp cận	3,73	0,71
Thoải mái khi bước vào khoa thực tập tiền lâm sàng	3,95	1,10
Sinh viên dễ dàng đặt câu hỏi với người hướng dẫn	3,87	0,59
Nhân viên thích tham gia hướng dẫn sinh viên	3,33	0,72
Không khí vui vẻ trong phòng thực tập tiền lâm sàng	3,08	0,64
Nhân viên có khả năng nhớ tên nhiều sinh viên	3,63	0,74
Tại phòng tiền lâm sàng có nhiều tình huống để thực hành	3,32	0,84
Những kỹ thuật thực hành đa dạng, phong phú	3,99	0,65
Khoa phòng tiền lâm sàng là môi trường học lâm sàng tốt	3,13	0,89

Kết quả cho thấy điểm số trung bình cho từng nội dung trong lĩnh vực nhận thức của sinh viên về môi trường sư phạm lâm sàng có giá trị từ 3,08 đến 3,99 điểm. Trong đó yếu tố về những kỹ thuật thực hành đa dạng, phong phú và yếu tố thoải mái khi vào thực tập tại phòng tiền lâm sàng là 2 trong những yếu tố được đánh giá với điểm trung bình cao nhất đều trên 3,9 điểm.

**Bảng 4. Điểm nhận thức trung bình về lĩnh vực chăm sóc điều dưỡng tại khoa (n=180)**

Nội dung đánh giá	X	SD
Tại khoa có các khẩu hiệu trong chăm sóc bệnh nhân	3,26	0,87
Bệnh nhân nhận được sự chăm sóc điều dưỡng tốt	3,97	0,62
Nhân viên ít sai sót khi cung cấp thông tin cho bệnh nhân	3,91	0,76
Hồ sơ ghi chú của điều dưỡng thì rõ ràng	4,03	0,68

Điểm nhận thức trung bình cho từng vấn đề trong lĩnh vực về nền tảng chăm sóc điều dưỡng tại khoa có giá trị trung bình dao động từ 3,26 – 4,03 điểm.

**Bảng 5. Điểm nhận thức trung bình về phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa (n=180)**

Nội dung đánh giá	X	SD
Điều dưỡng trưởng lắng nghe ý kiến phản hồi của nhân viên	4,14	0,35
Điều dưỡng trưởng tham gia hướng dẫn lâm sàng cho sinh viên	3,29	0,86
Sinh viên học nhiều từ ý kiến, nhận xét của điều dưỡng trưởng	3,23	1,01
Điều dưỡng trưởng có phân công nhân viên hướng dẫn sinh viên	3,86	0,78

Các nội dung về phong cách lãnh đạo quản lý khoa có điểm trung bình từ 3,23 - 4,14 điểm, trong đó cho ý kiến phản hồi của nhân viên có điểm trung bình cao nhất và thấp nhất là việc sinh viên được điều dưỡng trưởng nhận xét.

**Bảng 6. Điểm nhận thức trung bình về vai trò của giảng viên trong giảng dạy lâm sàng (n=180)**

Nội dung đánh giá	X	SD
Thường kết hợp giảng dạy lý thuyết và thực hành lâm sàng	2,81	1,03
Thường giúp sinh viên đạt được chỉ tiêu thực hành lâm sàng	3,34	1,06
Giúp sinh viên giảm lỗ hổng giữa lý thuyết và thực hành	3,98	0,70

Kết quả về điểm nhận thức trung bình các lĩnh vực thuộc vai trò của giảng viên điều dưỡng trong giảng dạy đạt từ 2,81 đến 3,98 điểm.

**Bảng 7. Điểm nhận thức trung bình về mối quan hệ với người hướng dẫn lâm sàng (n=180)**

Nội dung đánh giá	X	SD
Người hướng dẫn tích cực giúp đỡ sinh viên	4,03	0,56
Thường cho nhận xét sau khi sinh viên thực hiện kỹ thuật	4,11	0,49
Rất mong muốn nhận được câu hỏi của sinh viên	2,73	0,98
Thường lắng nghe thông tin phản hồi từ sinh viên	2,50	0,65
Người hướng dẫn và sinh viên ít có sự bất đồng ý kiến	3,75	0,66
Người hướng dẫn và sinh viên thường tin tưởng lẫn nhau	3,82	0,77
Sinh viên hài lòng với sự hướng dẫn mà họ nhận được	3,23	0,87
Ngoài giờ học, sinh viên và người hướng dẫn thường trao đổi thông tin rất thoải mái	2,74	1,13
Ngoài giờ học, khi tiếp xúc với người hướng dẫn, sinh viên có cảm giác như là đồng nghiệp	3,91	0,64
Khi tiếp xúc với người hướng dẫn, sinh viên học được nhiều kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử xã hội	3,84	0,54
Sự hòa đồng và hợp tác trong chuyên môn giữa giảng viên và nhân viên trong khoa	3,92	0,70
Về việc giảng viên hướng dẫn nhân viên khoa về cách quản lý và đánh giá sinh viên	3,96	0,60

Kết quả cho thấy người hướng dẫn thường cho nhận xét sau khi thực hiện các kỹ thuật đạt điểm cao nhất. Ngược lại, người hướng dẫn ít lắng nghe thông tin từ sinh viên và mong muốn sinh viên hỏi là những nội dung có điểm trung bình thấp nhất.

Về mối quan hệ giữa sinh viên và người hướng dẫn (ngoài giờ học) có điểm nhận thức trung bình đạt từ 2,74 đến 3,91 điểm. Về điểm nhận thức trung bình của sinh viên về các lĩnh vực thuộc mối quan hệ giữa giảng viên và nhân viên tại khoa đạt từ 3,92 đến 3,96 điểm.

#### IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành trên 180 sinh viên điều dưỡng năm cuối của trường Cao đẳng Y Dược Asean trong đó chủ yếu là nữ chiếm 78,9% (gấp hơn hai lần nam), điều này phù hợp với đặc điểm chung của sinh viên ngành điều dưỡng. Tuổi trung bình là 20,3±1,0. Nhóm tuổi này phù hợp với độ tuổi của sinh viên và tương tự như nghiên cứu của tác giả Giang Nhân Trí Nghĩa và cộng sự [5]. Số sinh viên thực tập tại cơ sở Bệnh viện 198 là 170 em chiếm 94,4% còn lại số ít được thực tập tại

Trung tâm y Văn Giang tỉnh Hưng Yên. Về nơi cư trú của đối tượng, chủ yếu sinh viên đến từ vùng nông thôn chiếm 61,1% còn sống tại thành phố ít hơn, tỷ lệ này phù hợp với cơ cấu dân cư nông thôn và thành thị tại Việt Nam nói chung và tại vùng nghiên cứu nói riêng.

Kết quả đánh giá chung về 5 lĩnh vực cho thấy mức điểm nhận thức trung bình chung của sinh viên về các lĩnh vực môi trường học tập lâm sàng

là  $121,25 \pm 9,34$  điểm, trong đó về môi trường sự phạm lâm sàng là  $31,04 \pm 2,79$ . Phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa đạt  $14,52 \pm 2,21$  điểm. Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa đạt  $15,17 \pm 2,26$  điểm. Điểm trung bình nhận thức về mối quan hệ hướng dẫn và vai trò của giảng viên lâm sàng đạt lần lượt là  $28,16 \pm 2,74$  điểm và  $32,37 \pm 3,53$  điểm, kết quả này thấp hơn so với kết quả của một số tác giả châu Âu [6], [7]. Điều mà chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy rằng người quản lý khoa lâm sàng quá bận, không đủ thời gian để theo sát hướng dẫn sinh viên, do đó kết quả này có điểm nhận thức trung bình của sinh viên khá thấp cũng là hợp lý. Kết quả thấp hơn so với một số tác giả châu Âu cũng là hợp lý, theo chúng tôi đó là do tính cách rụt rè và phong cách ứng xử của người phương Đông nói chung và nhất là học sinh sinh viên là luôn tôn trọng, e ngại và sợ khi đứng trước những người lớn tuổi, bề trên.

Phân tích kết quả đánh giá chung cho 5 nhóm lĩnh vực chúng tôi phân theo giới nhưng kết quả cho thấy sự khác biệt giữa nam và nữ ở cả 5 nhóm đều không có sự khác biệt với mức ý nghĩa thống kê  $p > 0,05$ , vì thế khi phân tích từng nhóm lĩnh vực riêng biệt, chúng tôi ghép chung cả 2 giới để đánh giá: Điểm trung bình về môi trường sự phạm lâm sàng cho thấy điểm số trung bình cho từng nội dung trong lĩnh vực nhận thức của sinh viên về môi trường sự phạm lâm sàng có giá trị từ 3,08 đến 3,99 điểm, trong đó yếu tố khoa phòng thực hành tiền lâm lâm sàng có các kỹ thuật thực hành đa dạng, phong phú là có điểm trung bình cao nhất với  $3,99 \pm 0,65$  điểm. Ngược lại có 2 yếu tố có điểm số thấp nhất là không khí khoa phòng kém vui vẻ và khoa phòng là môi trường học tập lâm sàng tốt. Các nội dung về phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa có điểm trung bình từ 3,23 đến 4,14 điểm, trong đó thì ý kiến phản hồi của nhân viên trong khoa với điều dưỡng trưởng có điểm trung bình cao nhất là  $4,14 \pm 0,35$  điểm và thấp nhất là nhận xét của điều dưỡng trưởng tại các khoa phòng bệnh viện cho sinh viên trong quá trình thực tập tại khoa là  $3,23 \pm 1,01$  điểm. Kết quả này tương tự kết quả của tác giả Giang Nhân Trí Nghĩa - 2019 và của P. Serçekuş H - 2016 [5], [8]. Trong lĩnh vực về nền tảng chăm sóc điều dưỡng tại khoa thì điểm trung bình có giá trị từ 3,26 đến 4,03 điểm. Về vai trò quan trọng của giảng viên lâm sàng có thể coi là một động lực thúc đẩy quá trình học tập lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng tại Việt Nam. Giảng viên lâm sàng được coi như cầu nối

giúp sinh viên điều dưỡng tiếp cận với môi trường học tập lâm sàng dễ dàng hơn. Qua nghiên cứu cho thấy người hướng dẫn thường cho nhận xét sau khi thực hiện các kỹ thuật chiếm điểm nhận thức cao nhất đạt  $4,11 \pm 0,49$  điểm, kết quả này cũng tương tự như của Trương Thị Huệ năm 2015 và đề cập trong nghiên cứu và của P. Serçekuş H [1], [8]. Trong lĩnh vực giáo viên điều dưỡng tạo nên sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành cho thấy sinh viên đánh giá tích cực tất cả 3 câu với điểm trung bình từ 2,81 đến 3,98 điểm. Đây là những ưu điểm, sinh viên hài lòng với người giáo viên giảng dạy có kiến thức sâu rộng và họ cảm thấy được trang bị rất tốt cho nghề nghiệp của mình. Ngoài ra, vấn đề quan hệ giữa nhân viên tại khoa và giảng viên cũng được sinh viên nhận thức và đánh giá với điểm đạt khá cao  $3,92 \pm 0,70$  điểm, về việc giảng viên hòa đồng và hợp tác với nhân viên của bệnh viện tại khoa cũng đạt tới  $3,96 \pm 0,6$  điểm về việc giảng viên hướng dẫn nhân viên của khoa cách phân công, đánh giá sinh viên. Tất cả điều này cho thấy ngoài những nhiệm vụ cụ thể của giảng viên là giảng dạy tại khoa thì mối quan hệ giữa giảng viên với nhân viên trong khoa cũng được sinh viên đánh giá cao, điều đó trực tiếp giúp cho việc học tập của sinh viên tại khoa được thuận lợi hơn. Trong quá trình giám sát sinh viên và trao đổi thông tin về mối quan hệ tốt giữa giáo viên và nhân viên sẽ là nền tảng thúc đẩy sự nhiệt tình trong hướng dẫn giảng dạy từ phía nhân viên của bệnh viện nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy/học lâm sàng. Chính vì vậy cần có biện pháp phù hợp nhằm nâng cao mối quan hệ giữa giảng viên giảng dạy lâm sàng và nhân viên y tế tại các cơ sở thực hành là hết sức cần thiết, vấn đề này cũng được Harrison-White K & Owens J (2018) [9] và Võ Thị Ngọc Hà và CS (2021) đề cập đến [10]. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa sinh viên và người hướng dẫn được sinh viên đánh giá còn hạn chế khi trao đổi với nhân viên trong khoa về chuyên môn hoặc những thông tin liên quan, nhất là khi sinh viên nhờ nhân viên giải đáp những thắc mắc ngoài giờ thực hành chỉ đạt  $2,74 \pm 1,13$  điểm, đây là vấn đề hạn chế cần được khắc phục. Đặc biệt, còn một tỷ lệ không ít sinh viên còn rụt rè trong giao tiếp với giáo viên và cán bộ nhân viên trong khoa của bệnh viện, đây cũng là những hạn chế và cũng là đặc điểm chung của người Châu Á về mối quan hệ giữa người hướng dẫn và sinh viên còn khoảng cách nên họ thường rụt rè trong giao tiếp, điều này cũng phù hợp như đánh giá của Võ Thị Ngọc Hà

và cộng sự về tính nhút nhát của một số sinh viên, nhất là với một số em lực học hoặc có khả năng giao tiếp kém.

## V. KẾT LUẬN

- Đánh giá nhận thức của 180 sinh viên điều dưỡng năm cuối của trường Cao đẳng Y Dược Asean về môi trường học tập lâm sàng cho thấy:

- Tỷ lệ sinh viên nữ là 78,9% và nam là 21,1%. Tuổi trung bình của là  $20,3 \pm 1,0$  (dao động từ 19 đến 25 tuổi). Số sinh viên thực tập tại Bệnh viện 198 là 170 em chiếm 94,4%.

- Điểm nhận thức trung bình chung của 5 nhóm lĩnh vực đánh giá về môi trường học tập lâm sàng là  $121,25 \pm 9,34$  điểm, trong đó cao nhất là 2 nhóm gồm: vai trò của giảng viên lâm sàng là  $32,37 \pm 3,53$  điểm và môi trường sư phạm lâm sàng là  $31,04 \pm 2,79$  điểm.

- Điểm trung bình nhận thức của sinh viên về môi trường sư phạm lâm sàng có giá trị từ 3,08 đến 3,99 điểm. Về nền tảng chăm sóc điều dưỡng tại khoa khá cao có giá trị từ 3,26 đến 4,03 điểm. Về phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa đạt từ 3,23 đến 4,14 điểm. Về vai trò của giảng viên trong giảng dạy và giúp đỡ sinh viên có giá trị từ 3,34 đến 3,98 điểm. Về sự giúp đỡ và nhận xét sau khi sinh viên thực hành kỹ thuật của người hướng dẫn đều đạt trên 4 điểm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Trương Thị Huệ (2015)**, Tìm hiểu những khó khăn của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng. Hội thảo cải cách Giáo dục, thực hành và Nghiên cứu Điều dưỡng: Các bước nâng cao chất lượng, Hà Nội.
- 2. Phạm Văn Thức, Nguyễn Ngọc Sáng (2012)**. Phương pháp dạy học lâm sàng, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
- 3. Chan D. (2002)**. Development of the clinical learning environment inventory: Using the theoretical framework of learning environment studies to assess nursing students' perceptions of the hospital as a learning environment. *Journal of Nursing Education*, 41 (2), p. 69-75.
- 4. Đỗ Thị Như Ý (2013)**. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên Y khoa về môi trường thực hành lâm sàng, Luận văn Thạc sĩ học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 5. Giang Nhân Trí Nghĩa, Giang Thị Mỹ Kiều, Vũ Long (2019)**. Nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng. *Tạp chí Y học TP. Hồ Chí Minh*, Tập 23, số 5: p. 113-119.
- 6. Jones LT. et al (2009)**. Staff-student relationships and their impact on nursing students' belongingness and learning. *Journal of Advanced Nursing*, 65 (2), 316-324.
- 7. MD Evridiki Papastavrou (2016)**. Nursing Students' Satisfaction of the Clinical Learning Environment. *BMC Nursing*.
- 8. P. Serçekuş H. & Başkale (2016)**. Nursing students' perceptions about clinical learning environment in Turkey. *Nurse Education in Practice*, 17, p. 134-138.
- 9. Harrison-White K & Owens J (2018)**. Nurse link lecturers' perceptions of the challenges facing student nurses in clinical learning environments: A qualitative study. *Nurse Education in Practice*, 32, p. 78-83.
- 10. Võ Thị Ngọc Hà, Lê Thị Trang, Đặng Thị Châu, Lê Thị Thanh Tuyền (2021)**. Mối liên quan giữa hoạt động giảng dạy và sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng với giảng viên hướng dẫn lâm sàng. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, Tập 4 - Số 2 (p.118-124).